

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2022/HSST
Ngày: 01/6/2022

NHÂN DA NH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bạch Quảng.
2. Bà Tô Thị Lành.

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Lệ Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hoài Phương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ L số: 58/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Puih L; sinh ngày: 03/5/2002 tại Gia Lai.

Nơi cư trú: Thôn P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Thiên chúa giáo;

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: làm nông.

Con ông Puih L, sinh năm 1975 và bà Kpă K, sinh năm 1982. Cha mẹ bị cáo hiện trú tại: Thôn P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bị cáo có 03 người em ruột, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2006; bị cáo là con lớn trong gia đình, bản thân chưa có vợ, con.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Anh Bùi Đức T; sinh năm: 1986. Địa chỉ: 63A đường V, tổ 8, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1972. Địa chỉ: Thôn P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Trần Lê K; sinh năm: 1986. Địa chỉ: 274 đường H, tổ 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Lê Xuân Th; sinh năm: 1986. Địa chỉ: 63A đường V, tổ 8, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

- Ông Puih La; sinh năm: 1975. Địa chỉ: Thôn P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nay X; sinh ngày: 15/01/2006; Địa chỉ: 50 Đường M, Làng K, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của anh Nay X: Ông Nay S, sinh năm 1974 và bà Ksor H, sinh năm 1970. Địa chỉ: 50 Đường M, Làng K, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Ksor H; sinh ngày: 17/5/2005. Địa chỉ: Làng B1, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của anh Ksor H: Ông Rơ J, sinh năm 1962 và bà Ksor B, sinh năm 1969. Địa chỉ: Làng B1, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Mộng Q; sinh năm 1989. Địa chỉ: Làng M, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Trần Thanh H, sinh năm: 1987. Địa chỉ: 28A đường H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Hà Đăng H; sinh năm: 1982. Địa chỉ: 28A đường H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Phan Văn T; sinh năm 1996. Địa chỉ: 262 đường H, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

***Người phiên dịch tiếng Jrai:** Ông Puih Hríu - Chuyên Viên phòng Thanh tra- Ban dân tộc tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Puih L và Ksor H (sinh ngày 17/5/2005, trú làng B1, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai), Nay X (sinh ngày 15/01/2006, trú làng K, phường Đ, TP.P, tỉnh Gia Lai) có quan hệ quen biết nhau. Trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 8/2021, Puih L và Ksor H, Nay X đã cùng nhau thực hiện 07 vụ lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn TP.P, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ một ngày trong tháng 7/2021 (không xác định được ngày), Ksor H đến nhà P tại thôn P, phường Y, TP.P, tỉnh Gia Lai chơi. Tại đây, L rủ H đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, thì H đồng ý. L điều khiển xe mô tô biển số 81F1-0879 chở H ra cánh đồng gần nhà số 301 đường L, phường Đ, TP.P và để xe mô tô tại đây, rồi cả hai đi bộ vào sau nhà số 301 đường L để trộm cắp tài sản; đây là nhà của ông Bùi Đức T (sinh năm 1986, trú số 63A đường V, Tổ 8, phường Y, TP.P, tỉnh Gia Lai). L đứng canh giới, để H nhặt 01 cây xà beng bằng kim loại, dài khoảng 50cm ở gần đó cạy cửa thông gió phía sau nhà của ông T, rồi đột nhập vào trong trộm cắp 01 máy cắt hiệu Hồng Ký mô tô HKCF, 01 máy hàn hiệu Hồng Ký 200Z, 11 máy siết thủy lực hiệu Hitachi đưa ra ngoài. Ngay sau đó, L điều khiển xe mô tô 81F1-0879 chở H và các tài sản vừa chiếm đoạt được đến cửa hàng điện cơ Thanh Hải (số 28A đường H, phường Y, TP.P) bán cho ông Trần Thanh H (sinh năm 1987, là chủ cửa hàng) được 2.100.000 đồng. Số tiền bán tài sản mà có, L và H đã cùng nhau tiêu xài hết. Sau khi mua các tài sản do L và H bán, ông H đã bán lại cho người khác, nên Cơ quan điều tra không thu giữ

được. Qua định giá, xác định các tài sản của ông Th bị L và H chiếm đoạt vào tháng 7/2021, có tổng trị giá 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) (11 máy siết thủy lực trị giá 6.600.000 đồng, 01 máy cắt hiệu Hồng Ký trị giá 1.250.000 đồng, 01 máy hàn hiệu Hồng Ký trị giá 900.000 đồng).

Vụ thứ hai: Sau vụ trộm cắp thứ nhất khoảng 07 ngày, khoảng 11 giờ một ngày trong tháng 7/2021 (không xác định được ngày), Ksor H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream, biển số 81B1-609.56 chở P đến nhà ông Bùi Đức T để tiếp tục trộm cắp tài sản. Với thủ đoạn như lần trước, L đứng cạnh giới để Huy dùng cây xà beng cạy cửa phía sau nhà, đột nhập vào trong trộm cắp 01 máy cắt hiệu Hồng Ký mô tô HKCF và 11 máy siết thủy lực bu-long hiệu Akazu. Sau đó, L và Huy chở các tài sản trên đến cửa hàng điện cơ Hoàng Nguyên (ở số 36 đường H, phường Y, TP.P) bán cho ông Hà Đăng H (sinh năm 1982, là chủ cửa hàng) được 1.500.000 đồng, chia nhau tiêu xài. Sau khi mua các tài sản do L và Huy bán, ông Hiền đã bán lại cho người khác, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Qua định giá, xác định các tài sản của ông Th bị L và H chiếm đoạt như nêu trên, có tổng trị giá 7.300.000 đồng (bảy triệu ba trăm nghìn đồng) (11 máy siết thủy lực trị giá 6.050.000 đồng, 01 máy cắt hiệu Hồng Ký trị giá 1.250.000 đồng).

Vụ thứ ba: Sau vụ trộm cắp thứ hai 01 ngày, khoảng 11 giờ một ngày trong tháng 7/2021 (không xác định được ngày), Ksor H điều khiển xe mô tô 81B1-609.56 chở P đến nhà ông Bùi Đức T để tiếp tục trộm cắp tài sản. Với thủ đoạn như lần trước, L đứng cạnh giới để Huy dùng cây xà beng cạy cửa phía sau nhà, đột nhập vào trong trộm cắp 07 máy siết thủy lực hiệu Hitachi. Sau đó, cả hai chở các tài sản trên đến bán cho ông Hà Đăng H được 450.000 đồng, rồi Huy chở L về nhà. Sau đó, L một mình điều khiển xe mô tô 81F1-0879 quay lại nhà ông Thanh, đột nhập vào trong trộm cắp 01 máy hàn hiệu Hồng Ký 200Z và 02 cuộn dây điện loại 300mm mỗi cuộn dài 20 mét. Đối với 02 cuộn dây điện, L mang ra ngoài rẫy cà phê ở gần đó đốt để lấy lõi dây đồng, rồi điều khiển xe mô tô 81F1-0879 chở máy hàn và số lõi dây đồng đến cơ sở thu mua phế liệu ở Làng M, xã C, TP.P bán cho bà Nguyễn Thị Mộng Q (sinh năm 1989, là chủ cơ sở) được 1.800.000 đồng, sử dụng tiêu xài. Sau khi mua các tài sản do L và H bán, ông H và bà Q đã bán lại cho người khác, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Qua định giá, xác định 07 máy siết thủy lực hiệu Hitachi do L và H chiếm đoạt của ông Th trong vụ này có trị giá 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng); 01 máy hàn Hồng Ký 200Z và 02 cuộn dây điện do L chiếm đoạt của ông Th trong vụ này có tổng trị giá 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) (máy hàn trị giá 900.000 đồng, dây điện trị giá 1.500.000 đồng).

Vụ thứ tư: Khoảng 22 giờ ngày 30/7/2021, L một mình điều khiển xe mô tô biển số 81F1-0879 đến nhà kho của bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1972, ở số 158 đường G, thôn P phường Y, TP.P) để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, L trèo lên mái nhà kho dùng tay cạy tấm tôn sáng bằng nhựa đột nhập vào trong trộm cắp các tài sản gồm: 01 CPU máy vi tính nhãn hiệu Lenovo, 01 màn hình máy vi tính nhãn hiệu Philip, 01 thùng sữa trái cây hiệu Kun loại 24 túi, 01 máy khoan cầm tay hiệu Boss, 02 bao gạo nhãn hiệu Thơm lài Cửu Long loại 25kg/bao và 01 cuộn dây điện hiệu Cadivi loại lõi đồng mềm dài 50 mét. Sau đó, L giấu 02 bao gạo và 01 cuộn dây điện phía sau nhà kho của bà Hạnh, rồi điều khiển xe mô tô 81F1-0879 chở các

tài sản còn lại về nhà cất giấu. Sáng ngày 31/7/2021, L mang máy khoan đến bán cho anh Phan Văn T (sinh năm 1996, trú số 262 đường H, phường Đ, TP.P – làm nghề điện cơ) được 150.000 đồng và sử dụng tiêu xài; thùng sữa Kun, L đã uống hết. Đối với bà H, sau khi phát hiện bị trộm cắp tài sản thì đi tìm và lấy lại được 02 bao gạo cùng với 01 cuộn dây điện mà L cất giấu sau nhà kho. Đối với CPU và màn hình máy vi tính, đến ngày 25/10/2021 (sau khi L ra đầu thú) thì ông Puih La (là cha của L) giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P. Trên cơ sở lời khai của L, ngày 26/10/2021 Cơ quan điều tra làm việc với anh T và thu giữ máy khoan hiệu Boss do anh T giao nộp. Qua định giá, xác định các tài sản L trộm cắp của bà H vào ngày 30/7/2021, có tổng trị giá 3.600.000 đồng. Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã trả lại CPU, màn hình máy vi tính và máy khoan cầm tay cho bà H.

Vụ thứ năm: Khoảng 21 giờ ngày 20/8/2021, P rủ và điều khiển xe mô tô biển số 81F1-0879 chở Nay X đi dạo trên địa bàn phường Đ, TP.P để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà kho của ông Lê Xuân Th (sinh năm 1986, ở hẻm đường H, Tổ 2, phường Đ, thành phố P), thấy không có người trông coi, X đứng ngoài cánh giới để L đột nhập vào trong trộm cắp được 01 máy cắt hiệu Dekton. Sau đó, cả hai mang máy cắt này ra chợ đêm TP.P bán cho một người đàn ông (không xác định được họ tên, địa chỉ) được 500.000 đồng chia nhau tiêu xài. Quá trình điều tra, do không xác định được người mua nên Cơ quan điều tra không thu hồi được máy cắt nêu trên. Qua định giá, xác định máy cắt hiệu Dekton của ông Th bị L và X chiếm đoạt ngày 20/8/2021, có trị giá 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Vụ thứ sáu: Khoảng 22 giờ ngày 21/8/2021, P điều khiển xe mô tô biển số 81F1-0879 chở Ksor H đi dạo trên đường H, phường Đ, TP.P để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đến trước kho vật liệu xây dựng “Khánh” ở số 274 đường H, Tổ 3, phường Đ, cả hai phát hiện có 04 xe ô tô đang đậu bên trong kho, nhưng không có người trông coi; đây là kho vật liệu của ông Trần Lê K (sinh năm 1986, trú tại địa chỉ trên). H đứng ngoài cánh giới, để L trèo rào đột nhập vào trong tháo 02 bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai, dung tích 100AH của xe ô tô đang đậu trong kho. Sáng ngày 22/8/2021, L và H dùng xe mô tô 81F1-0879 chở 02 bình ắc quy đến bán cho anh Phạm Văn T (sinh năm 1996, trú tại 262 đường H, phường Đ, TP.P, tỉnh Gia Lai) được 420.000 đồng. L khai: Do sợ bị anh T phát hiện bình ắc quy là do trộm cắp mà có, nên trưa ngày 22/8/2021 L và H đến gặp anh T chuộc lại 02 bình ắc quy nêu trên, rồi chở đến Làng M, xã C, TP.P bán cho bà Nguyễn Thị Mộng Q được 420.000 đồng chia nhau tiêu xài (L trực tiếp vào bán, H đứng ngoài chờ). Quá trình điều tra vụ án, bà Q không thừa nhận đã mua 02 bình ắc quy do L mang đến bán vào ngày 22/8/2021, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Qua định giá xác định 02 bình ắc quy xe ô tô nhãn hiệu Đồng Nai dung tích 100AH của ông Kh bị L và H chiếm đoạt ngày 21/8/2021 có trị giá 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ bảy: Sau khi cùng nhau lén lút chiếm đoạt 02 bình ắc quy xe ô tô ở vụ thứ sáu, thì Ksor H về nhà còn P tiếp tục gọi điện thoại rủ Nay X đi trộm bình ắc quy bán lấy tiền tiêu xài. Nay X đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, biển số 81B2-664.34 đến nhà L. Theo chỉ dẫn của L, Nay X

chở L đến kho vật liệu xây dựng “*Khánh*” rồi đứng ngoài cánh giới, để L leo rào đột nhập vào trong tháo 06 bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai, dung tích 100AH trên các xe ô tô đang đậu trong kho. Sáng ngày 22/8/2021, L và X chở 06 bình ắc quy trộm cắp được đến Làng M, xã C, TP.P bán cho bà Nguyễn Thị Mộng Q được 840.000 đồng chia nhau tiêu xài (L trực tiếp vào bán, Xan đứng ngoài chờ). Quá trình điều tra vụ án, bà Q không thừa nhận đã mua 06 bình ắc quy do L mang đến bán vào ngày 22/8/2021, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Qua định giá xác định 06 bình ắc quy xe ô tô nhãn hiệu Đồng Nai dung tích 100AH của ông Kh bị L và X chiếm đoạt ngày 21/8/2021 có trị giá 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 25/10/2021, P đến Công an TP.P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác như trên. Trên cơ sở lời khai của L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. P tiến hành làm việc với Ksor H và Nay X, thì H và X cũng khai nhận về hành vi cùng với L lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, như L đã khai. Cơ quan điều tra đã đưa L, H và X đi xác định địa điểm các vụ trộm cắp theo quy định.

Đối với các xe mô tô P, Ksor H và Nay X sử dụng làm phương tiện đi lén lút chiếm đoạt tài sản, chở tài sản đi bán trong vụ án này, qua điều tra xác định:

- Xe mô tô biển số 81F1-0789 là tài sản của ông Puih La (sinh năm 1975, trú thôn P, phường Y, TP.P, tỉnh Gia Lai), là cha của P;

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream, biển số 81B1-609.56 là tài sản của ông Rơ Chăm J (sinh năm 1962, trú làng B 1, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai), là cha của Ksor H;

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, biển số 81B2-664.34 là tài sản của ông Nay S (sinh năm 1974, trú số 50 đường Đường M, Làng K, phường Đ, TP.P, tỉnh Gia Lai), là cha của Nay X. Việc L, H và X sử dụng các xe mô tô trên làm phương tiện đi lén lút chiếm đoạt tài sản, chở tài sản đi bán, thì các ông La, J và S đều không biết. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không thu giữ, xử L đối với các xe mô tô trên.

Đối với cây xà beng bằng kim loại, dài khoảng 50cm, là công cụ Ksor H nhặt rồi sử dụng cạy cửa nhà ông Bùi Đức T để đột nhập chiếm đoạt tài sản ở các vụ thứ nhất, thứ hai và thứ ba, sau đó H đã vứt bỏ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. P không thu giữ được.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã trưng cầu giám định để xác định chính xác độ tuổi của Ksor H. Tại Bản kết luận giám định pháp y độ tuổi số 1366/C09C-Đ3 ngày 08/11/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại TP.Đà Nẵng, xác định: Độ tuổi của Ksor H tại thời điểm giám định (tháng 11/2021) là từ 16 năm đến 16 năm 6 tháng. Như vậy, tại thời điểm H cùng với P thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trong vụ án này (tháng 7 và tháng 8/2021), thì Huy có độ tuổi từ 15 năm 09 tháng đến 16 năm 03 tháng. Căn cứ kết quả giám định và quy định tại Điều 6 của Thông tư liên tịch số 06/2018 ngày 21/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về phối hợp thực hiện một số quy định của bộ luật tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi, thì tại thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong vụ án này, Ksor H chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nay X, đến ngày cùng với P thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trong vụ án này thì chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Về dân sự: Quá trình điều tra vụ án, P đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho ông Trần Lê K số tiền 5.000.000 đồng; ông Kh không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự. Ông Bùi Đức T, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Xuân Th không yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Đối với các ông Trần Thanh H, Hà Đăng H và Phạm Văn T, là những người đã mua các tài sản (máy cắt, máy hàn, máy khoan, máy siết thủy lực...) do bị cáo P và các đối tượng Ksor H, Nay X trộm cắp được mang đến bán, qua điều tra xác định: Các ông H, H, T đều làm nghề kinh doanh, sửa chữa các thiết bị điện cơ; khi mua các tài sản do bị cáo L mang đến bán, các ông H, H, T đều không biết đó là tài sản do L trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không xem xét, xử L về hình sự đối với các ông H, H, T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ.

Đối với bà Nguyễn Thị Mộng Q, là người theo bị cáo P khai đã mua tổng cộng 08 bình ắc quy xe ô tô do L cùng với Ksor H, Nay X trộm cắp được mang đến bán vào ngày 22/8/2021: Quá trình điều tra bà Q không thừa nhận đã mua bình ắc quy do L mang đến bán; L, H và X khai khi bán bình ắc quy cho bà Q thì chỉ một mình L thực hiện, H và X đứng ngoài chờ; Cơ quan điều tra đã kiểm tra, nhưng không thu giữ được vật chứng tại cơ sở thu mua phế liệu của bà Q. Do vậy, việc Cơ quan điều tra nhận định không có đủ căn cứ để xem xét, xử L đối với bà Q về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ.

Tại Bản cáo trạng số: 73/CT- VKS ngày 18/4/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo P về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố bị cáo P phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị:

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đều không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: đối với số tiền L, Nay S, Ksor H thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp, do các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo P cũng như Nay S, Ksor H bồi thường nên đề nghị truy thu sung công quỹ Nhà nước. Riêng Ksor H và Nay S khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng Ksor L thì chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và không có tài sản riêng nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đại diện hợp pháp nộp thay.

Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận có các hành vi trộm cắp như cáo trạng đã nêu, nhận thấy các hành vi đó của mình là sai trái, vi phạm pháp luật; bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội như sau: Trong thời gian từ tháng 7 đến ngày 21/8/2021, trên địa bàn TP. P, tỉnh Gia Lai, với thủ đoạn lợi dụng đêm tối cũng như sự sơ hở, mất cảnh giác của người khác trong việc trông coi, quản lý tài sản, P đã khởi xướng, rủ rê và cùng với Ksor H thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể: trộm cắp tài sản của ông Bùi Đức T 03 vụ, tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt được của ông Th là 22.650.000đồng và trộm cắp tài sản của ông Trần Lê K 01 vụ với giá trị tài sản là 2.500.000đồng. Bị cáo P cùng với Nay X thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể trộm cắp của ông Lê Xuân Th 01 vụ, giá trị tài sản chiếm đoạt được của ông Thanh là 950.000đồng và trộm cắp tài sản của ông Trần Lê K 01 vụ với giá trị tài sản là 7.500.000đồng. Ngoài ra, một mình L thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị H với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt được là 3.600.000đồng. Tổng trị giá tài sản mà L cùng với H, Xan và một mình L chiếm đoạt được là 37.200.000 đồng (ba mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Thời điểm Ksor H, Nay X cùng với P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại trong vụ án này, thì Ksor H và Nay X chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của các chủ sở hữu để nhiều lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo cùng với Ksor H, Nay X chiếm đoạt được là 37.200.000 đồng. Do vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015, đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố.

Bị cáo là thanh niên, có sức khỏe, có đủ năng lực để nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần. Do vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường cho bị hại Trần Lê K, đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã ra đầu thú.

[6] Về bồi thường dân sự: Các bị hại không có yêu cầu gì thêm về bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền mà bị cáo P, Ksor H thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp của ông Bùi Đức T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Văn T nhưng những người này không có yêu cầu bồi thường về dân sự, do đó cần truy thu sung Công quỹ Nhà nước. Cụ thể:

- P và Ksor H thu lợi bất chính tổng cộng là: 4.050.000đồng và cùng nhau tiêu xài hết nên buộc bị cáo P phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là: 2.025.000đồng và buộc đại diện hợp pháp của Ksor H phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là: 2.025.000đồng.

- Một mình P thu lợi bất chính là 2.050.000đồng nên buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này.

- P và Nay X thu lợi bất chính là 500.000đồng, nên buộc P và buộc đại diện hợp pháp của Nay X mỗi bên phải nộp lại 250.000đồng.

- Đối với số tiền mà bị cáo P cùng với Ksor H và Nay X thu lợi bất chính khi bán tài sản trộm cắp của ông Trần Lê K, ông Kh đã nhận lại số tiền bồi thường từ ông Puih La và không có yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa hôm nay, ông Puih La vắng mặt tuy nhiên lời khai tại hồ sơ vụ án thể hiện ông Puih La không có yêu cầu Ksor H và Nay X trả lại số tiền tương ứng nên không truy thu đối với khoản tiền này là phù hợp.

Như vậy, buộc bị cáo P phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là: 4.325.000đồng, buộc đại diện hợp pháp của Ksor H phải nộp lại số tiền mà Ksor H đã thu lợi bất chính là: 2.025.000đồng, buộc đại diện hợp pháp của Nay X phải nộp lại số tiền mà Nay X đã thu lợi bất chính là: 250.000đồng; để sung Công quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh và hình phạt

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo Puih L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo L 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/10/2021.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Buộc bị cáo P phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 4.325.000đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

- Buộc ông Rơ J và bà Ksor B (là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan Ksor H) phải nộp lại số tiền mà Ksor H thu lợi bất chính là 2.025.000đồng (Hai triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc ông Ông Nay S và bà Ksor H (là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nay X) phải nộp lại số tiền số tiền mà Nay X thu lợi bất chính 250.000đồng (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo P phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà

